

**ĐIỂM THI**

**Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 3 (huyện Nguyên Bình)**

**Phần D.II - Kỹ năng lãnh đạo, quản lý**

**Ngày thi: 22/8/2022**

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Hoàng Thị Ngọc Anh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	40	Dương Văn Lành	7,00	Bảy
2	Lương Thị Kim Cúc	7,75	Bảy phẩy bảy năm	41	Đặng Thị Lịch	7,75	Bảy phẩy bảy năm
3	Ngô Đức Chính	7,25	Bảy phẩy hai năm	42	Hà Thị Hồng Linh	7,25	Bảy phẩy hai năm
4	Nguyễn Văn Chuyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	43	Bàn Thị Lưu	7,25	Bảy phẩy hai năm
5	Triệu Thị Diệp	8,00	Tám	44	Tô Thị Mến	8,00	Tám
6	Nguyễn Thị Thu Dung	8,00	Tám	45	Hoàng Lê Miên	8,00	Tám
7	Hoàng Kim Dung	8,00	Tám	46	Bé Thị Lê Na	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Hoàng Thị Dung	8,00	Tám	47	Chu Thị Nải	7,25	Bảy phẩy hai năm
9	Hoàng Anh Dũng	8,25	Tám phẩy hai năm	48	Hoàng Thị Nét	7,50	Bảy phẩy năm
10	Hoàng Thị Duyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	49	Diêu Thị Nga	7,00	Bảy
11	Lê Thị Diệp	8,25	Tám phẩy hai năm	50	Triệu Thị Nga	7,00	Bảy
12	Nông Văn Giang	8,00	Tám	51	Hoàng Thị Nga	8,00	Tám
13	Nông Đức Giáp	8,50	Tám phẩy năm	52	Hoàng Minh Nga	7,50	Bảy phẩy năm
14	Nông Thị Gióng	8,00	Tám	53	Chu Thị Ngân	7,00	Bảy
15	Tô Hồng Hạnh	8,00	Tám	54	Triệu Kim Ngân		<b>Chuyển lớp</b>
16	Nông Thị Hằng	8,00	Tám	55	Nông Thị Ngân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
17	Nông Thu Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	56	Lương Thị Ngọc	8,00	Tám
18	Đàm Thị Thúy Hằng	8,25	Tám phẩy hai năm	57	Hoàng Thị Nha	7,75	Bảy phẩy bảy năm
19	Nông Thị Hân	8,00	Tám	58	Lương Thị Phượng	7,50	Bảy phẩy năm
20	Đặng Thu Hiền	8,00	Tám	59	Lê Thị Phượng	7,50	Bảy phẩy năm
21	Đinh Ích Hiếu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	60	Ma Thị Quyên	7,25	Bảy phẩy hai năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
22	Đào Thị Hoa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	61	Lê Đăng Tiến	7,75	Bảy phẩy bảy năm
23	Chu Thị Hoàn	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Bé Quang Tiến	7,25	Bảy phẩy hai năm
24	Cung Lê Hoàng	8,00	Tám	63	Vi Hữu Toàn	7,50	Bảy phẩy năm
25	Nông Thị Hồng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	64	Hà Quốc Toàn	8,00	Tám
26	Đình Văn Huấn	8,00	Tám	65	Hoàng Thị Thanh Tuyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm
27	Triệu Ngọc Huấn	7,75	Bảy phẩy bảy năm	66	Hà Thị Tuyết	8,00	Tám
28	Phương Quốc Huy	8,25	Tám phẩy hai năm	67	Hà Văn Tuynh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
29	Đình Thị Thu Huyền	8,00	Tám	68	Trương Thị Mai Thanh	7,50	Bảy phẩy năm
30	Nguyễn Thị Minh Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	69	Bàn Văn Thắng	7,00	Bảy
31	Tạ Thu Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	70	Nông Thị Bích Thu	8,25	Tám phẩy hai năm
32	Đàm Thị Hương	7,00	Bảy	71	Lương Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
33	Nguyễn Thanh Hường	8,00	Tám	72	Nguyễn Thị Thúy	8,00	Tám
34	Hoàng Thị Hường	8,00	Tám	73	Bàn Phúc Thượng	8,00	Tám
35	Lương Xuân Hường	8,25	Tám phẩy hai năm	74	Lương Văn Trinh	7,50	Bảy phẩy năm
36	Nông Văn Khởi	7,75	Bảy phẩy bảy năm	75	Lý Ngọc Trịnh	7,50	Bảy phẩy năm
37	Hoàng Thị Lan	8,25	Tám phẩy hai năm	76	Nông Thị Uyên	8,00	Tám
38	Lương Thị Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	77	Phạm Thị Hồng Việt	7,75	Bảy phẩy bảy năm
39	Hà Hồng Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	78	Chu Thị Yến	8,00	Tám

Điểm 7,00: 06 điểm; Điểm 7,25: 06 điểm; Điểm 7,50: 09 điểm; Điểm 7,75: 23 điểm; Điểm 8,00: 25 điểm; Điểm 8,25: 07 điểm; Điểm 8,50: 01 điểm./.

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**K/T HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

*DHL*

*Vân Thúy*



**Đoàn Thị Kim Liên**

**Đoàn Thị Vân Thúy**

**Hoàng Việt Hưng**